

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 42/2022/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 03 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 65/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2584/TTr-STC ngày 02 tháng 8 năm 2022 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 1710/BC-STP ngày 01 tháng 8 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 65/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

“1. Đối tượng nộp lệ phí: Người được cơ quan đăng ký cư trú giải quyết việc đăng ký cư trú theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức thu phí: Công an xã, phường, thị trấn.

3. Đối tượng miễn thu lệ phí và các trường hợp không thu lệ phí đăng ký cư trú:

a) Miễn thu lệ phí đối với: Bố, mẹ, vợ, chồng, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ; con dưới 18 tuổi của thương binh; người có công với cách mạng; trẻ em (dưới 16 tuổi), người cao tuổi, người khuyết tật; hộ nghèo; đồng bào các dân tộc thiểu số ở các thôn, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật; điều chỉnh các thay đổi thông tin về cư trú khi Nhà nước quy định thay đổi địa giới hành chính, đổi tên đường, số nhà.

b) Không thu lệ phí đối với trường hợp: Điều chỉnh các thay đổi thông tin về cư trú khi có sai sót thông tin về cư trú do lỗi của cơ quan đăng ký, quản lý cư trú.

4. Mức thu:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	
			Tại các phường thuộc TP. Phan Rang-Tháp Chàm	Tại các khu vực khác
1	Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người	đồng/lần đăng ký	20.000	10.000
2	Đăng ký tạm trú theo danh sách	đồng/người/ lần đăng ký	20.000	10.000
3	Điều chỉnh thông tin về	đồng/lần	10.000	5.000

	cur trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú	điều chỉnh		
4	Tách hộ	đồng/lần đăng ký	10.000	5.000
5	Xác nhận thông tin về cư trú	đồng/lần xác nhận	10.000	5.000
6	Gia hạn tạm trú cả hộ hoặc một người	đồng/lần gia hạn	10.000	5.000
7	Gia hạn tạm trú theo danh sách	đồng/người/ lần gia hạn	10.000	5.000

5. Kê khai, nộp lệ phí

a) Người nộp lệ phí thực hiện kê khai, nộp lệ phí theo từng lần phát sinh.

b) Tổ chức thu lệ phí thực hiện kê khai, nộp lệ phí theo tháng, quyết toán lệ phí năm theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

6. Quản lý lệ phí: tổ chức thu lệ phí nộp 100% tiền lệ phí thu được vào ngân sách Nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho hoạt động thu lệ phí do ngân sách Nhà nước bố trí trong dự toán của cơ quan thu lệ phí theo chế độ, định mức chi ngân sách Nhà nước theo quy định pháp luật.”

2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản, điểm Điều 21 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Đối tượng nộp lệ phí: người sử dụng lao động phải nộp lệ phí khi làm thủ tục để được cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép lao động, cấp lại giấy phép lao động, cấp gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức mình hoạt động trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.”

b) Bổ sung Điểm c vào khoản 3 như sau:

“c) Cấp gia hạn giấy phép lao động: 300.000 đồng/giấy phép”.

3. Bổ sung Điều 24 như sau:

“Điều 24. Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường

1. Đối tượng nộp phí: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Tổ chức thu phí: Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện thu phí đối với các trường hợp do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp phép và Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố thực hiện thu phí đối với các trường hợp do Ủy ban nhân dân huyện, thành phố cấp phép.

3. Mức thu phí

a) Trường hợp thẩm định lần đầu:

STT	Nội dung thu phí/hình thức tổ chức thẩm định	Mức thu phí (triệu đồng)
I	Giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh	
1	Hội đồng thẩm định dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, không có nội dung sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất hoặc nội dung thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại, đồng thời thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường	7
2	Tổ thẩm định dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, dự án đầu tư có sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất, dự án đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại	5,4
3	Hội đồng thẩm định dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường (trường hợp không mời chuyên gia ngoài tỉnh)	8,8
4	Hội đồng thẩm định dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường (trường hợp có mời chuyên gia ngoài tỉnh)	21,1
5	Đoàn kiểm tra cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động (trường hợp không mời chuyên gia ngoài tỉnh)	9,8
6	Đoàn kiểm tra cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động (trường hợp có mời chuyên gia ngoài tỉnh)	19,1
II	Giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp huyện	
1	Tổ thẩm định dự án đầu tư hoặc Đoàn kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động	3,2

b) Trường hợp thẩm định lại hồ sơ cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường: Mức thu bằng 50% mức thu phí thẩm định lần đầu quy định tại điểm a khoản này.

4. Kê khai, nộp phí

a) Người nộp phí thực hiện kê khai, nộp phí theo từng lần phát sinh.

b) Chậm nhất 05 ngày kể từ ngày thu phí, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước.

c) Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp số tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo quy định của Luật Quản lý thuế.

5. Quản lý và sử dụng phí: Tổ chức thu phí là cơ quan Nhà nước nộp 100% số tiền phí thu được vào ngân sách Nhà nước theo mục lục ngân sách Nhà nước hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho hoạt động thu phí do ngân sách Nhà nước bố trí trong dự toán của cơ quan thu phí theo chế độ, định mức chi ngân sách Nhà nước theo quy định pháp luật.”

Điều 2. Bãi bỏ Điều 15 (Phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi) và Điều 19 (Lệ phí cấp chứng minh nhân dân) của Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 65/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao Công an tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Đài Phát thanh và Truyền hình triển khai thực hiện quy định tại Quyết định này.

2. Hằng năm, các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố báo cáo tình hình triển khai thực hiện các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh cho Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Tài chính.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 13 tháng 8 năm 2022

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Quốc Nam